

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Bình Định – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh:	Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành:	8140111
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

Bình Định, 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4494/QĐ-ĐHQN ngày 19 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Physical Education
Mã ngành: 8140111
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn (Giáo dục thể chất) có khối lượng kiến thức toàn khóa là 60 tín chỉ, thời gian đào tạo là 02 năm, bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp/ thay thế/khác nhằm trang bị cho người học những kiến thức về giảng dạy giáo dục thể chất cùng những kỹ năng và kinh nghiệm thực tế trong việc giảng dạy GDTC, tổ chức các hoạt động thể thao trong trường học, nghiên cứu khoa học về GDTC.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất)
2. Mã ngành đào tạo	8140111
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60
7. Khoa quản lý	Khoa Giáo dục thể chất
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	2 năm (24 tháng)
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn

11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
13. Vị trí việc làm	Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất) có thể: - Cán bộ giáo viên, giảng viên giảng dạy, huấn luyện viên, nghiên cứu viên, hướng dẫn viên, cán bộ quản lý... tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, viện nghiên cứu và các đơn vị khác. - Có thể đảm nhận công tác quản lý trong các cơ quan nhà nước về Thể dục thể thao hoặc các lĩnh vực khác.
14. Học tập nâng cao trình độ	Nghiên cứu sinh tiến sĩ trong nước và quốc tế
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	CTĐT trình độ thạc sĩ của các Trường: Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên, Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội, Trường ĐH Sư phạm TDTT TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH TDTT TP Hồ Chí Minh, Trường ĐH TDTT Bắc Ninh, Trường ĐH TDTT Đà Nẵng.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 12/2024

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

1.3.1. Sứ mệnh - Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Sứ mệnh:

Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là Trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp

Toàn diện: Đào tạo người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực.

Khai phóng: Phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; giúp người học chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời.

Thực nghiệp: Đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; giúp người học thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn (Giáo dục thể chất)

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Giáo dục thể chất			Triết lý giáo dục		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức chung	Học phần Triết học	x	x	
	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	x	x	x
		Thực tập	x	x	x
	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)		x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Liên hệ, vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết, kiến thức chung về quản trị và quản lý vào công tác chuyên môn.	x	x	
	PLO2	Ứng dụng và phát triển các nguyên lý và học thuyết cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực GDTC và kiến thức liên ngành có liên quan.	x		x
	PLO3	Xây dựng và quản lý các hoạt động nội, ngoại khóa thể dục thể thao.	x	x	x
	PLO4	Vận dụng, nghiên cứu phát triển các thành tựu của Khoa học giáo dục nói chung và Khoa học GDTC nói riêng vào thực tiễn.	x	x	x
	PLO5	Thực hiện chương trình đào tạo, vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực	x	x	x

		hành, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giảng dạy, tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung học và tổ chức hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao.			
	PLO6	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	x	x	x
	PLO7	Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.	x	x	x
	PLO8	Hình thành năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	x	x	x

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao về Giáo dục thể chất, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện nay.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất) có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có kiến thức chung về quản trị, quản lý.

+ PO2: Có kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục thể chất (GDTC), thể thao trường học (TTTH) và khoa học thể dục thể thao (TDTT).

- Về kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến.

+ PO4: Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực GDTC, TTTH và khoa học TDTT.

+ PO5: Sử dụng ngoại ngữ tốt.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp

hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao.

+ PO7: Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Liên hệ, vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết, kiến thức chung về quản trị và quản lý vào công tác chuyên môn.

2) PLO2: Ứng dụng và phát triển các nguyên lý và học thuyết cơ bản và nâng cao trong lĩnh vực GDTC và kiến thức liên ngành có liên quan.

1.5.2. Về kỹ năng

3) PLO3: Xây dựng và quản lý các hoạt động nội, ngoại khóa thể dục thể thao.

4) PLO4: Vận dụng, nghiên cứu phát triển các thành tựu của Khoa học giáo dục nói chung và Khoa học GDTC nói riêng vào thực tiễn.

5) PLO5: Thực hiện chương trình đào tạo, vận dụng các kiến thức lý thuyết, thực hành, nghiên cứu khoa học vào thực tiễn giảng dạy, tổ chức kiểm tra đánh giá nội dung học và tổ chức hoạt động ngoại khóa thể dục thể thao.

6) PLO6: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

7) PLO7: Xây dựng phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học trách nhiệm trong công việc được giao. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.

8) PLO8: Hình thành năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
PO1	x							
PO2		x	x	x	x			
PO3		x	x	x	x			
PO4		x	x	x	x			
PO5						x		
PO6							x	
PO7								x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn GDTC cần trang bị những cách thức, kinh nghiệm dạy học khác nhau:

+ Nắm rõ hình thức lớp học đang giảng dạy (lớp học lý thuyết hay thực hành, môn học bắt buộc, môn học tự chọn, môn học bổ trợ, môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp...);

+ Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp...);

+ Hiểu rõ về đối tượng học viên (năm nhất, năm hai...);

+ Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

+ Giảng viên cần chuẩn bị kỹ giáo trình, bài giảng, sách bài tập, đề cương chi tiết môn học, các phương tiện dạy học, thuyết trình, kế hoạch dạy học, lịch trình dạy học,

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

+ Phương pháp dạy học, lấy người học là trung tâm;

+ Thay đổi phương thức hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên: Người học cần tăng cường vấn đề tự suy nghĩ, tự nghiên cứu nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

+ Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là: thuyết trình, vấn đáp, bài tập, thảo luận, thực tế, thực hành, làm việc nhóm, E-learning.

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Dạy trực tiếp								
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Tham luận								
3. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Dạy gián tiếp								
4. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Học theo tình huống								
III. Học trải nghiệm								
7. Thực hành, thí nghiệm						x		
8. Thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x
IV. Dạy học tương tác								
9. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x
10. Học nhóm								
V. Tự nghiên cứu								
11. Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x	x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, kịp thời nhu cầu phát triển xã hội và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

+ Có nhiều hình thức, phương pháp giúp đỡ hỗ trợ sinh viên trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, dự án, thực tế, tham quan.

+ Mỗi học kỳ, khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ nhằm trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho giảng viên.

+ Hàng năm nhà trường tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên về kỹ năng giảng dạy, phương pháp giảng dạy và các tiếp cận mới trong giáo dục, dạy học để nâng cao năng lực giảng viên và chất lượng giảng dạy.

+ Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của giảng viên trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

*** Thang điểm đánh giá**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

- Học phần lý thuyết:

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	40%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, giảng viên quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	
		- Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án.	60%

- Học phần thực tập chuyên môn

Sử dụng thang điểm 10 cho chấm bài báo cáo. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

- Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

* Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (Summative Assessment) và được quy định cụ thể trong bản mô tả chương trình đào tạo của ngành.

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)							
	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Đánh giá tiến trình								
1. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết								
2. Thi viết	x	x	x	x	x	x	x	x
3. Thi vấn đáp				x		x		
4. Báo cáo tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Báo cáo Đề án	x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Phần kiến thức chung	4	
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành		
2.1	Các học phần bắt buộc	23	
2.2	Các học phần tự chọn		18
2.3	Các học phần thực tập	6	
3	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	9	
Tổng		42	18
		60	

- Phần kiến thức chung gồm 1 học phần:

Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh,..... để học viên có khả năng nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến ngành học.

- Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm 08 học phần bắt buộc và 9/12 học phần tự chọn:

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở và chuyên ngành của CTĐT Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn GDTC.

- Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Do đặc thù riêng của ngành TDDT nói chung và ngành GDTC nói riêng, các công trình nghiên cứu khoa học mang tính chất ứng dụng thực tế, kết quả nghiên cứu được đánh giá thông qua hiệu quả ứng dụng. Vì vậy, các Đề án thạc sĩ cần có thời gian thực nghiệm, kiểm tra lấy số liệu thực tế để minh chứng kết quả nghiên cứu của đề tài. Do đó, thời gian giao luận văn cho Học viên Cao học ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Giáo dục thể chất được thực hiện vào cuối học kỳ 2 của khóa học sau khi đã học xong các học phần bắt buộc và bảo vệ luận văn sau khi hoàn thành chương trình đào tạo theo kế hoạch của Trường Đại học Quy Nhơn.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	Phần kiến thức chung	4	6,7%	M					M	M	M
2	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47									
2.1	Các học phần bắt buộc	23	38,3%		H	H	H	H		M	M
2.2	Các học phần tự chọn	18	30%		M	M	M	M		M	M
2.3	Các học phần thực tập	6	10%	H	H	H	H	H	H	H	H
3	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	9	15%	H	H	H	H	H	H	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

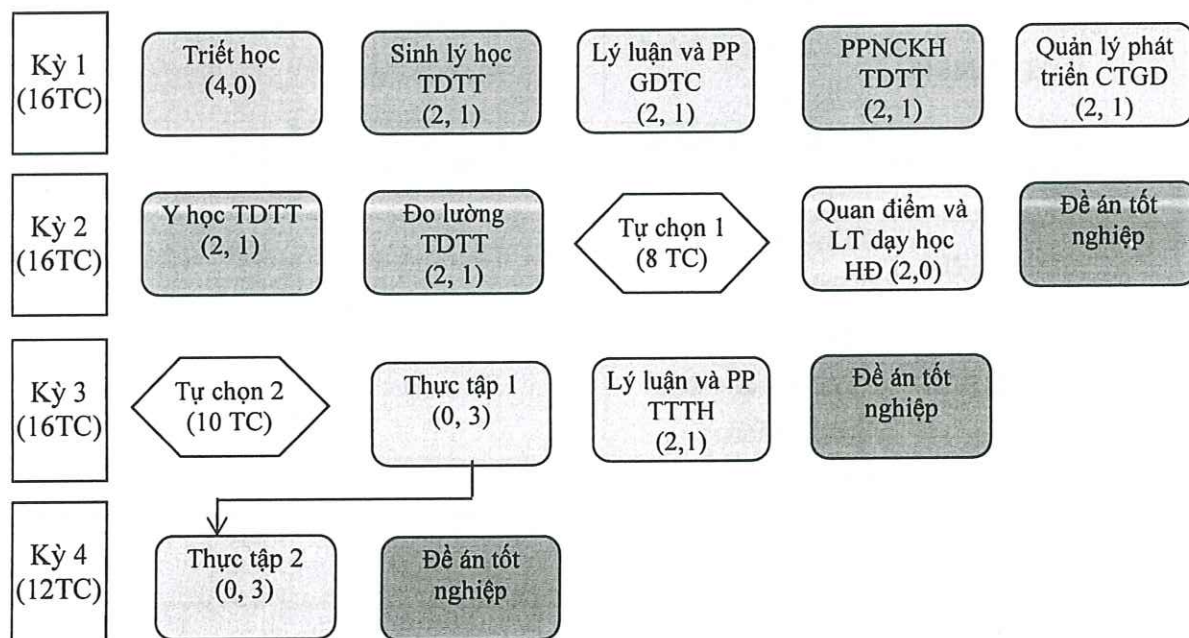
2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng tín chỉ			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	4			K.LLC T-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành					47					
II.1. Phần bắt buộc					23					

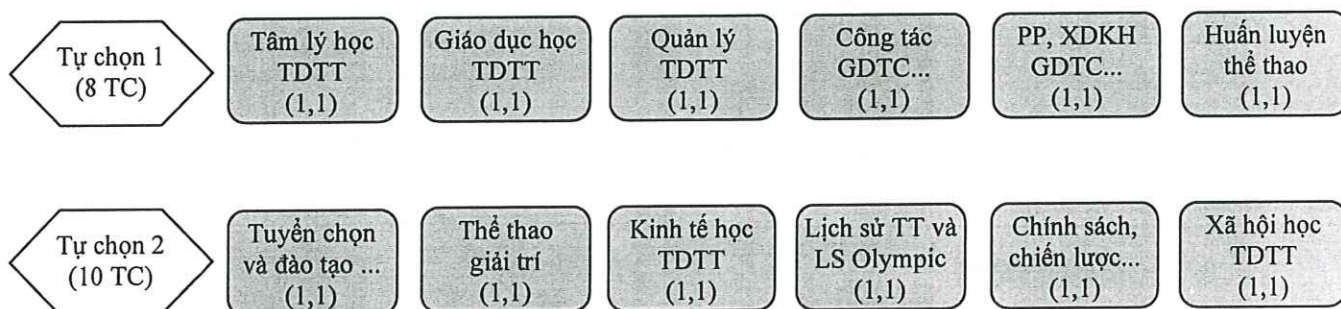
2	GDTC	81401	Sinh lý học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
3	GDTC	81402	Y học thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
4	GDTC	81403	Đo lường thể dục thể thao	2	3	2	1		K.GDTC	
5	GDTC	81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	1	3	2	1		K.GDTC	
6	GDTC	81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1	3	2	1		K.GDTC	
7	GDTC	81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	3	3	2	1		K.GDTC	
8	GDTC	81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	2	2	2			K.GDTC	
9	GDTC	81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	1	3	2	1		K.GDTC	
II.2. Phần tự chọn (9/12 học phần)				18						
10	GDTC	81409	Tâm lý học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
11	GDTC	81410	Giáo dục học thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
12	GDTC	81411	Quản lý thể dục thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	
13	GDTC	81412	Xã hội học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
14	GDTC	81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
15	GDTC	81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	2	2	1	1		K.GDTC	
16	GDTC	81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
17	GDTC	81416	Thể thao giải trí	3	2	1	1		K.GDTC	
18	GDTC	81417	Kinh tế học thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
19	GDTC	81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	3	2	1	1		K.GDTC	
20	GDTC	81419	Huấn luyện thể thao	2	2	1	1		K.GDTC	

21	GDTC	81420	Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao	3	2	1	1		K.GDTC	
II.3. Thực tập					6					
22	GDTC	81421	Thực tập 1	3	3		3		K.GDTC	
23	GDTC	81422	Thực tập 2	4	3		3	81421	K.GDTC	
II.4. Đề án thực sĩ (Học phần tốt nghiệp)					9				K.GDTC	
24	GDTC	81423	Đề án thực sĩ	2,3,4	9					
Tổng cộng					60					

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

	Khối kiến thức chung		Kiến thức bổ trợ (nếu có)
----------------------	----------------------	----------------------	---------------------------

	Khối kiến thức cơ sở ngành		Đề án tốt nghiệp
	Khối kiến chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x,y)	x: Số tín chỉ lý thuyết y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành	----->	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

STT	Mã HP	Tên HP	PLOs							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	XH501	Triết học	H		M				M	
2	GDTC81401	Sinh lý học thể dục thể thao		M	M	H	H		M	M
3	GDTC81402	Y học thể dục thể thao		M	M	H	H		M	M
4	GDTC81403	Đo lường học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H
5	GDTC81404	Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao	H	H	H	H	H		M	M
6	GDTC81405	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	H	H	H		H		M	M
7	GDTC81406	Lý luận và phương pháp thể thao trường học	M	M	H	M	H		M	M
8	GDTC81407	Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại	H			H	H		H	H
9	GDTC81408	Quản lý phát triển chương trình giáo dục	M	M	M	M	M		H	H
10	GDTC81409	Tâm lý học học thể dục thể thao	M	M		M	H		M	M
11	GDTC81410	Giáo dục học học thể dục thể thao	M	M	H	H	H	H	M	M
12	GDTC81411	Quản lý học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	H

13	GDTC81412	Xã hội học học thể dục thể thao	M	M	M	M	H		M	M
14	GDTC81413	Công tác giáo dục thể chất trong trường học	M	M		H	H		H	H
15	GDTC81414	Phương pháp, xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất trong trường học	M	M	H	H	H		M	M
16	GDTC81415	Tuyển chọn và đào tạo tài năng Thể thao	M	M	H	H	H	H	H	H
17	GDTC81416	Thể thao giải trí	M	M	H	H	H	H	H	H
18	GDTC81417	Kinh tế học học thể dục thể thao	M	M	H	H	H		M	M
19	GDTC81418	Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic	M	M		M	M		M	H
20	GDTC81419	Huấn luyện thể thao	M	M	H	H	H		M	M
21	GDTC81420	Chính sách, chiến lược phát triển học thể dục thể thao	M			H	M		H	H
22	GDTC81421	Thực tập 1	M	M	M	M	M	M	M	M
23	GDTC81422	Thực tập 2	H	H	H	H	H	M	H	H
24	GDTC81423	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	H	H	H	H	H	M	H	H

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [XHTH 501], [Triết học], [4 TC]

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo hướng nghiên cứu, theo hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học theo hướng tiếp cận lịch sử triết học.

Các nội dung được đề cập bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế như: Lịch sử các thời phát triển và các trường phái triết học trong lịch sử nhân loại, đặc biệt là thế giới quan, phương pháp luận, nhận thức luận của triết học Mácxit... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận... để học tập những môn học sau, để định hướng cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.6.2. [GDTC81401], [Sinh lý thể dục thể thao], [03 TC]

Môn sinh lý học TDTT nhằm trang bị cho người học những kiến thức về cơ chế hoạt động của cơ thể từ mức tế bào, tổ chức, cơ quan, hệ thống cơ quan đến toàn bộ cơ thể là một bộ máy thống nhất. Những quan điểm về cơ chế sinh lý của việc hình thành kỹ năng vận động và phát triển các tổ chức vận động. Tác dụng của tập luyện TDTT đối với tất cả các cơ quan của cơ thể và tăng cường được khả năng thích nghi của chúng với điều kiện sống khác nhau.

2.6.3. [GDTC81402], [Y học thể dục thể thao], [03 TC]

Y học TDTT là môn khoa học ứng dụng những kiến thức y sinh học, áp dụng vào thực tiễn, nhằm nâng cao thành tích thể thao, tăng cường sức khỏe, người học phải nắm vững các phương pháp đề phòng và xử lý bước đầu các trường hợp chấn thương. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác NCKH và tuyển chọn vận động viên.

2.6.4. [GDTC81403], [Đo lường thể dục thể thao], [03 TC]

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản, hiện đại về đo lường trong TDTT giúp các học viên hiểu và vận dụng được các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong đo lường TDTT, đánh giá các hoạt động TDTT, qua đó ứng dụng trong quá trình giảng dạy, huấn luyện và NCKH TDTT.

2.6.5. [GDTC81404], [Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao], [03 TC]

Môn học NCKH TDTT nhằm trang bị cho học viên những kiến thức về phương pháp luận và phương pháp NCKH trong lĩnh vực TDTT, phù hợp với xu thế phát triển của khoa học hiện đại trên cơ sở tích lũy những kinh nghiệm thực tiễn của công tác TDTT ở nước ta.

2.6.6. [GDTC81405], [Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất], [03 TC]

Môn LL&PP GDTC là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về bản chất của TDTT, về phương pháp tổ chức và các quá trình GDTC, hình thành kỹ năng vận dụng phương pháp vào thực tiễn công tác.

Môn học đề cập đến những nội dung sau:

- Những kiến thức về bản chất và chức năng cơ bản của TDTT, mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc chung của TDTT. Bài tập thể chất và cấu trúc của các phương pháp GDTC, các nguyên tắc về phương pháp GDTC, đặc điểm và cấu trúc quá trình giảng dạy TDTT.

- Kiến thức lý luận về cơ sở phân chia các giai đoạn giảng dạy động tác trong GDTC, đặc điểm và cấu trúc quá trình giảng dạy TDTT, Cơ sở cấu trúc của bài tập và các hình thức của buổi tập TDTT. Những đặc điểm cơ bản của phương pháp giảng dạy động tác và phương pháp giáo dục các tổ chức thể lực.

2.6.7. [GDTC81406], [Lý luận và phương pháp thể thao trường học], [03 TC]

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về GDTC trong trường phổ thông, các qui luật và nguyên tắc dạy học TDTT trường học; các phương pháp trong giảng

dạy TTTH, cách xây dựng kế hoạch môn học và giáo án giảng dạy, nắm bắt được đặc điểm tâm, sinh lý học sinh, sinh viên. Qua đó giúp học viên hình thành kỹ năng vận dụng lý luận - phương pháp vào thực tiễn công tác giảng dạy và huấn luyện thể thao nghiệp dư trong trường học. Hình thành niềm tin và tình yêu nghề nghiệp.

2.6.8. [GDTC81407], [Quan điểm và lý thuyết dạy học hiện đại], [02 TC]

Môn học Quan điểm và Lý thuyết dạy học hiện đại là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT ThS Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn GDTC. Môn học cung cấp cho học viên kiến thức về những vấn đề chung về lý luận dạy học, các lý thuyết dạy học hiện đại, lý luận về CTĐT và hệ thống các phương pháp dạy học hiện đại. Môn học giữ vị trí quan trọng trong CTĐT nhằm hoàn thiện năng lực giảng dạy và nghiên cứu cho học viên cao học Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn GDTC. Môn học có mối quan hệ chặt chẽ với các môn học khác trong CTĐT ThS Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn GDTC.

2.6.9. [GDTC81408], [Quản lý phát triển chương trình giáo dục], [03 TC]

Môn học nghiên cứu những lý thuyết cơ bản về phát triển chương trình. Nội dung cơ bản về lý luận, thực tiễn của việc xây dựng và phát triển các chương trình giáo dục: Các cách tiếp cận về xây dựng phát triển chương trình, các vấn đề về phát triển chương trình giáo dục, chương trình giáo dục nhà trường. Quy trình phát triển chương trình giáo dục bao gồm những bước cụ thể như: Nghiên cứu thị trường lao động; Xây dựng hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp; Phân tích, đánh giá chương trình hiện hành, đối chiếu với hồ sơ năng lực và chuẩn đầu ra để xây dựng chương trình khung; Xây dựng chương trình chi tiết; Xây dựng đề cương môn học; Thiết kế đề cương bài giảng; Tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình; Hoàn thiện chương trình.

2.6.10. [GDTC81409], [Tâm lý học thể dục thể thao], [02 TC]

Môn học nghiên cứu các quy luật hình thành, phát triển và biểu hiện các phẩm chất tâm lý của người tập luyện và thi đấu TDTT. Nội dung Tâm lý học TDTT có một ý nghĩa to lớn về mặt lý luận cũng như ứng dụng trong thực tiễn hoạt động vận động.

2.6.11. [GDTC81410], [Giáo dục học thể dục thể thao], [02 TC]

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất, quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập. Biết vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn công tác. Học phần cũng giáo dục ý thức trách nhiệm, tình yêu nghề nghiệp, bồi dưỡng kinh nghiệm và năng lực sư phạm cho học viên.

2.6.12. [GDTC81411], [Quản lý thể dục thể thao], [02 TC]

- Trang bị những kiến thức cơ bản và cần thiết về khoa học quản lý, quản lý Nhà nước nói chung và quản lý trong hoạt động TDTT để góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học TDTT.

- Biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động TDTT ở cơ sở và giảng dạy TDTT trong trường phổ thông.

2.6.13. [GDTC81412], [Xã hội học thể dục thể thao], [02 TC]

Xã hội học TDTT là khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và xã hội cũng như các vấn đề xã hội nội hàm trong lĩnh vực TDTT. Đây là môn học thuộc Phần kiến thức cơ sở trong CTĐT cao học LL&PP dạy học bộ môn GDTC.

2.6.14. [GDTC81413], [Công tác giáo dục thể chất trong trường học], [02 TC]

Môn học giảng dạy về phương pháp tổ chức hoạt động TDTT trong các trường học, bao gồm: LL&PP TDTT đối với trẻ mẫu giáo; LL&PP TDTT đối với học sinh phổ thông và LL&PP TDTT đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Giúp cho học viên hiểu và sử dụng được các phương pháp dạy học mang tính chất đặc thù của bộ môn thể dục. Thực hiện được việc thiết kế bài dạy thực hành thể dục. Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học thể dục trong nhà trường.

2.6.15. [GDTC81414], [Phương pháp, xây dựng kế hoạch GDTC trong trường học], [02 TC]

Phương pháp, xây dựng kế hoạch GDTC trong trường học cung cấp kiến thức khoa học cơ bản về phương pháp dạy học chuyên ngành, xây dựng kế hoạch GDTC trong trường học bao gồm: Đổi mới phương pháp dạy học, Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh, kế hoạch năm học, kế hoạch cá nhân, kế hoạch bài học, kế hoạch học kỳ, kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch hoạt động giáo dục; xây dựng hồ sơ dạy học ở trường phổ thông, bảo quản và bổ sung hồ sơ dạy học.

2.6.16. [GDTC81415], [Tuyển chọn và đào tạo tài năng Thể thao], [02 TC]

Môn học sẽ trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về tuyển chọn và đào tạo tài năng thể thao, những con đường, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông, các phương pháp đánh giá ban đầu về tài năng của đối tượng được tuyển chọn từ đó nâng cao thành tích huấn luyện tài năng thể thao. Ngoài ra môn học giúp cho học viên nắm được các phương pháp NCKH trong huấn luyện thể thao hiện đại.

2.6.17. [GDTC81416], [Thể thao giải trí], [02 TC]

Môn học giới thiệu cho học viên những vấn đề lý luận của thể thao giải trí như mối quan hệ giữa TDTT và lao động. Vai trò của TDTT, cơ cấu thời gian, cơ cấu cuộc sống... đã làm hình thành những vấn đề lý luận của thể thao giải trí như mục tiêu, chức năng, nội dung hoạt động và hình thức tổ chức tập luyện thể thao giải trí.

2.6.18. [GDTC81417], [Kinh tế học thể dục thể thao], [02 TC]

Kinh tế học TDTT trang bị cho người học những vấn đề như cung cầu, thị trường, cạnh tranh và độc quyền thị trường, sản xuất và doanh nghiệp. Giúp học viên nghiên cứu mối quan hệ giữa TDTT và kinh tế. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế trong hoạt động TDTT và sự biến đổi cơ cấu, ứng dụng kinh tế học để nghiên cứu, giải thích các hiện tượng kinh tế trong TDTT, ứng dụng kinh tế học để tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, trao đổi và sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thể thao.

2.6.19. [GDTC81418], [Lịch sử thể thao và Lịch sử Olympic], [02 TC]

Môn học nghiên cứu về những điểm chung của lịch sử thể thao thế giới và lịch sử thể thao Việt Nam; một số điểm chung lịch sử Olympic thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ phát triển của xã hội loài người; cơ cấu của phong trào Olympic và các Đại hội Olympic, phong trào Olympic ở Việt Nam.

2.6.20. [GDTC81419], [Huấn luyện thể thao], [02 TC]

Học phần Huấn luyện thể thao trang bị kiến thức cơ bản về công tác huấn luyện trong lĩnh vực TDTT như: các nguyên tắc và phương pháp huấn luyện, cách xây dựng, tổ chức và đánh giá quá trình huấn luyện thể thao.

2.6.21. [GDTC81420], [Chính sách, chiến lược phát triển thể dục thể thao], [02 TC]

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về chính sách, chiến lược phát triển TDTT, quản lý TDTT; chiến lược phát triển Thể dục, thể thao Việt Nam và quản lý công tác TDTT trong trường học. Trên cơ sở đó giúp học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn quản lý công tác TDTT trong ngành TDTT, trường học các cấp.

2.6.22. [GDTC81421], [Thực tập 1], [03TC]

Học phần Thực tập 1 gắn liền với thực tế trải nghiệm tại các cơ sở giáo dục, tập trung vào nghiên cứu 2 nội dung chính: Kiểm tra đánh giá và Xây dựng chương trình đào tạo. Cụ thể, học viên đi thực tập để tìm hiểu các vấn đề lý thuyết liên quan đến kiểm tra đánh giá và phát triển chương trình đào tạo được áp dụng như thế nào trong thực tiễn tại các cơ sở giáo dục. Kết quả nghiên cứu thực tiễn sẽ giúp học viên biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn một cách hiệu quả trong công tác giáo dục sau này; đồng thời đây cũng là dịp để học viên hình thành các ý tưởng cho đề án tốt nghiệp.

2.6.23. [GDTC81422], [Thực tập 2], [03TC]

Học phần Thực tập giúp học viên tìm hiểu thực tế. Cụ thể, nội dung của thực tập 2 xoay quanh các vấn đề về phương pháp dạy học GDTC cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Kết quả nghiên cứu thực tiễn sẽ giúp học viên biết vận dụng lý thuyết vào thực tiễn một cách hiệu quả trong công tác giảng dạy sau này; đồng thời đây cũng là dịp để học viên hình thành các ý tưởng cho đề án tốt nghiệp.

2.6.24. [GDTC81423], [Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)], [9 TC]

Đề án thực sĩ là một phần không thể thiếu trong chương trình đào tạo (CTĐT) theo hướng ứng dụng. Đây là học phần giúp học viên vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn phổ thông để thực hiện nghiên cứu giáo dục dưới hình thức đề án, tạo nền tảng để học viên tiến hành các công trình nghiên cứu giáo dục sau này, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác dạy và học GDTC.

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đoàn Đức Tùng